

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2021

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **NGUYỄN THỊ TUYẾT L**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **DOÃN VĂN T**, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 23/3/2021 và lời khai tại Toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Do mai mối nên bà và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường nhậu nhẹt không quan tâm gia đình làm cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông bà đã ly thân luôn từ năm 2019 đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Con chung có một cháu tên Doãn Văn T1, sinh ngày 06/7/2001. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm, bị đơn ông Doãn Văn T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng chung sống như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông T có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Doãn Văn T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, bà L trình bày do mai mối nên bà và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo gì cho gia đình làm cuộc sống vợ chồng mất tình cảm, không còn hạnh phúc và đã chính thức ly thân luôn từ năm 2019 cho đến nay cũng như bản thân ông T cũng đồng ý ly hôn với bà L căn cứ vào tờ tự khai mà ông đã cung cấp tại Tòa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2000 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà L và ông T không được công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Có một con chung tên Doãn Văn T1, sinh ngày 06/7/2001 hiện đã trưởng thành và lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Tuyết L và ông Doãn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Doãn Văn T1, sinh ngày 06/7/2001 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0000536 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM